

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT

Y THÔNG KBUÔR

**TỘI PHÁ RỐI AN NINH TRONG LUẬT HÌNH SỰ  
VIỆT NAM**

**(Trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk)**

*Chuyên ngành:* Luật hình sự và tổ tụng hình sự  
*Mã số:* 60 38 01 40

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**HÀ NỘI - 2015**

**Công trình được hoàn thành tại  
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

**Cán bộ hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Trần Văn Luyện**

*Phản biện 1: .....*

*Phản biện 2: .....*

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại  
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

*Vào hồi ..... giờ ....., ngày ..... tháng ..... năm 2015*

**Có thể tìm hiểu luận văn tại**

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội  
Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội**

# MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

Trang phụ bì	
Lời cam đoan	
Mục lục	
Danh mục các từ viết tắt	
Danh mục các bảng	
<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỘI PHÁ RỐI AN NINH TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM</b> .....	8
1.1. Khái niệm tội phá rối an ninh và ý nghĩa của việc quy định tội phạm này trong luật hình sự Việt Nam .....	8
1.1.1. Khái niệm tội phá rối an ninh .....	8
1.1.2. Ý nghĩa của việc ghi nhận tội phá rối an ninh trong luật hình sự .....	12
1.2. Lịch sử hình thành và phát triển các quy định pháp luật hình sự Việt Nam về tội phá rối an ninh .....	12
1.2.1. Giai đoạn từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985 .....	13
1.2.2. Tội phá rối an ninh trong pháp luật hình sự Việt Nam từ khi ban hành Bộ luật hình sự 1985 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999 ....	25
1.3. Tìm hiểu quy định về tội phá rối an ninh trong pháp luật hình sự một số nước trên thế giới.....	31
<b>Chương 2. TỘI PHÁ RỐI AN NINH TRONG LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG</b> .....	41
2.1. Những dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội phá rối an ninh trong Bộ luật hình sự năm 1999 .....	41
2.1.1. Khách thể của tội phạm .....	41
2.1.2. Mặt khách quan của tội phạm.....	41
2.1.3. Chủ thể của tội phạm.....	42
2.1.4. Mặt chủ quan của tội phạm .....	44
2.2. Hình phạt đối với tội phá rối an ninh trong Bộ luật hình sự 1999 .....	45
2.3. Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về tội phá rối an ninh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.....	46
2.3.1. Tổng quan tình hình tội phạm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk .....	46
2.3.2. Áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về tội phá rối an ninh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk .....	47

2.3.3.	Những hạn chế, thiếu sót trong áp dụng các quy định pháp luật về tội phạm rối an ninh .....	47
<b>Chương 3.</b>	<b>HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ VIỆC ÁP DỤNG NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI PHẠM RỐI AN NINH.....</b>	<b>47</b>
3.1.	Dự báo tình hình tội phạm rối an ninh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk .....	47
3.2.	Kiến nghị hoàn thiện pháp luật về tội phạm rối an ninh .....	47
3.3.	Các giải pháp nâng cao hiệu quả việc áp dụng những quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội phạm rối an ninh .....	47
3.3.1.	Các lực lượng chức năng cần tham mưu cho tổ chức Đảng, Chính quyền huy động quần chúng nhân dân chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện, đấu tranh có hiệu quả đối với các hành vi phạm rối an ninh.....	47
3.3.2.	Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tội phạm rối an ninh và các âm mưu, phương thức thủ đoạn phạm rối an ninh .....	47
3.3.3.	Nâng cao trình độ nghiệp vụ, bản lĩnh chính trị và đạo đức cách mạng của cán bộ tư pháp .....	47
	<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>47</b>
	<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>47</b>

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Đắk Lắk là một tỉnh miền núi, có vị trí hết sức quan trọng trên địa bàn chiến lược Tây Nguyên với diện tích 13.125 km<sup>2</sup>, dân số khoảng 1,8 triệu người với 47 dân tộc anh em cùng sinh sống (trong đó dân tộc thiểu số chiếm khoảng 30%). Trong những năm qua, tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh diễn biến hết sức phức tạp; các thế lực thù địch tiếp tục thực hiện “diễn biến hoà bình”, đẩy mạnh các hoạt động tác động, thâm nhập chuyển hóa nội bộ, chống phá Đảng, Nhà nước, đồng thời hậu thuẫn, khuyến khích các tổ chức phản động tiến hành các hoạt động phá hoại trên địa bàn tỉnh. Đáng chú ý, những năm vừa qua, tổ chức phản động FULRO lưu vong thường xuyên liên lạc, móc nối, lôi kéo số cốt cán bên trong, chỉ đạo củng cố và phát triển lực lượng, tạo dựng “ngọn cờ”, khi có thời cơ thì tiến hành các hoạt động biểu tình, bạo loạn chính trị và vượt biên ồ ạt sang Campuchia với mục tiêu đòi thành lập “Nhà nước Đêga độc lập”.

Hai vụ bạo động chính trị xảy ra năm 2001 và năm 2004 ở Tây Nguyên, trong đó có tỉnh Đắk Lắk là minh chứng cho sự tiềm ẩn phức tạp về an ninh trật tự.

Trong những năm qua, các cơ quan bảo vệ pháp luật đã tích cực đấu tranh ngăn chặn các hành vi kích động, lôi kéo, tụ tập nhiều người phá rối an ninh, chống người thi hành công vụ, cản trở hoạt động của cơ quan, tổ chức... nhằm chống chính quyền nhân dân, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, tội phá rối an ninh nói riêng.

Trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền và cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay, cuộc đấu tranh phòng và chống tội phá rối an ninh càng được coi trọng. Thực tiễn áp dụng những quy định của pháp luật hình sự về tội phá rối an ninh cho thấy, còn có nhiều bất cập, vướng mắc, đòi hỏi khoa học luật hình sự phải nghiên cứu giải quyết. Vì vậy, việc nghiên cứu sâu sắc những vấn đề lý luận về tội phá rối an ninh và thực trạng quá trình điều tra, truy tố, xét xử tội phạm này trong thực tiễn không những có ý nghĩa lý luận - thực tiễn và pháp lý quan trọng, mà còn là vấn đề mang tính cấp thiết cũng chưa có công trình khoa học nào đi sâu về tội phá rối an ninh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Đây cũng là lý do tôi chọn đề tài "***Tội phá rối an ninh trong luật hình sự Việt Nam trên cơ sở thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk***" làm luận văn thạc sĩ của mình.

### 2. Tình hình nghiên cứu

Ở Việt Nam, cho đến nay chưa có một công trình nào nghiên cứu về tội phá rối an ninh, mà chỉ có một số công trình nghiên cứu về các tội xâm phạm an ninh quốc gia nói chung. Có thể nhắc đến một số công trình nghiên cứu đáng chú ý sau: GS.TSKH Lê Văn Cẩm (chủ biên): "Bảo vệ an ninh quốc gia, an ninh quốc tế và các quyền con người bằng pháp luật hình sự trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền", Nxb Tư pháp, Hà Nội, 2007; Bạch Thành Định: "Các tội xâm phạm an ninh quốc gia trong luật hình sự Việt Nam", Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2001; GS.TSKH Lê Cẩm: "Những vấn đề lý luận về bảo vệ an ninh quốc gia bằng pháp luật hình sự trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền", Tạp chí Tòa án nhân dân, số 7, 2007; GS.TSKH Lê Cẩm: "Nhà nước pháp quyền trong việc bảo vệ an ninh quốc gia, an ninh quốc tế và các quyền con người bằng pháp luật hình sự", Tạp chí kiểm sát; PGS.TS Kiều Đình Thụy: "Các tội xâm phạm an ninh quốc gia, lịch sử, thực trạng và

phương hướng hoàn thiện", Thông tin khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp, 1994; "Hoàn thiện các quy định về trách nhiệm hình sự đối với các tội đặc biệt nguy hiểm xâm phạm an ninh quốc gia", Tạp chí Nhà nước và pháp luật, 1995); "Về các tội đặc biệt nguy hiểm xâm phạm an ninh quốc gia", Tạp chí Công an nhân dân, 1995...

Ngoài ra, một số giáo trình do tập thể tác giả của các trường Đại học Luật, khoa Luật biên soạn phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu trong các trường đại học có đề cập đến tội phá rối an ninh như: Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (tập 1), do GS.TS Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2006; Bình luận các tội phạm cụ thể của Bộ luật hình sự năm 1999, do TS. Uông Chu Lưu chủ biên, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003; Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999, do TS. Trần Văn Luyện chủ biên, Nxb Công an nhân dân...

Tuy nhiên, các công trình nói trên mới chỉ dừng lại ở việc đề cập dấu hiệu cấu thành các tội xâm phạm an ninh quốc gia nói chung, chưa có công trình nghiên cứu một cách có hệ thống và toàn diện về tội phá rối an ninh, chưa có công trình nào tổng kết đánh giá thực tiễn áp dụng, cũng như chỉ ra các tồn tại, vướng mắc trong thực tế để đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy phạm pháp luật về tội phạm này.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **3.1. Mục đích nghiên cứu**

Mục đích của luận văn là làm sáng tỏ một cách có hệ thống về mặt lý luận và thực tiễn về tội phá rối an ninh theo luật hình sự Việt Nam, chỉ ra những khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng quy định này trong thực tiễn, từ đó đề xuất hoàn thiện pháp luật và các giải pháp nâng cao hiệu quả việc áp dụng những quy định pháp luật hình sự đối với tội phạm này.

#### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Để đạt được mục đích trên, tác giả luận văn đặt cho mình các nhiệm vụ nghiên cứu chủ yếu sau:

- Về mặt lý luận: Làm sáng tỏ những vấn đề lý luận chung về tội phá rối an ninh, ý nghĩa của việc ghi nhận tội này trong luật hình sự Việt Nam.

- Về mặt thực tiễn: Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực tiễn áp dụng những quy định của pháp luật hình sự đối với tội phá rối an ninh, đồng thời phân tích những hạn chế, thiếu sót của thực tiễn áp dụng, đề xuất hoàn thiện pháp luật và đưa ra các giải pháp cụ thể nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm này ở địa bàn tỉnh Đắk Lắk hiện nay.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu là những vấn đề lý luận và thực tiễn tội phá rối an ninh trong luật hình sự Việt Nam.

Phạm vi luận văn nghiên cứu tội phá rối an ninh dưới góc độ pháp lý hình sự trên cơ sở số liệu thực tiễn ở địa bàn tỉnh Đắk Lắk từ năm 1999 đến năm 2014.

### **5. Cơ sở lý luận và Phương pháp nghiên cứu**

Phương pháp luận của luận văn là dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về đấu tranh phòng, chống về tội phạm nói chung, quan điểm của Đảng và Nhà nước về đấu tranh chống tội phạm trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền tại Việt Nam.

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể của khoa học luật hình sự

và tội phạm học như: phương pháp thống kê hình sự, phương pháp phân tích và so sánh, phương pháp tổng hợp,... đồng thời, việc nghiên cứu đề tài còn dựa vào các văn bản pháp luật của nhà nước và những giải thích thống nhất có tính chất chỉ đạo thực tiễn xét xử thuộc lĩnh vực pháp luật hình sự của Tòa án nhân dân tối cao, các cơ quan bảo vệ pháp luật ở trung ương có liên quan đến tội phạm rối an ninh, những số liệu thống kê, tổng kết hằng năm trong các báo cáo của ngành Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân tối cao và địa phương, các tài liệu vụ án hình sự trong thực tiễn xét xử trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, cũng như thông tin trên mạng Internet...

Trong quá trình nghiên cứu các phương pháp này được vận dụng một cách linh hoạt và đan xen lẫn nhau để tạo ra kết quả nghiên cứu.

## **6. Đóng góp khoa học của Luận văn**

Đây là công trình chuyên khảo đầu tiên trong khoa học luật hình sự Việt Nam nghiên cứu tương đối đầy đủ và có hệ thống những vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng đối với tội phạm rối an ninh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ở cấp độ một luận văn thạc sĩ luật học. Trong luận văn này, tác giả luận văn đã giải quyết về mặt lý luận một số vấn đề sau:

- Nghiên cứu một cách tương đối có hệ thống và toàn diện những vấn đề lý luận chung về tội phạm rối an ninh.

- Phân tích những quy định cụ thể của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 về tội phạm rối an ninh với những tình tiết định tội, định khung giảm nhẹ, đồng thời nghiên cứu so sánh với pháp luật hình sự một số nước trên thế giới để đưa ra những kết luận khoa học về việc tiếp tục hoàn thiện tội phạm này trong Bộ luật hình sự năm 1999.

- Trên cơ sở phân tích thực tiễn áp dụng, luận văn đã đề xuất hoàn thiện và đưa ra các giải pháp cụ thể trong việc nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm rối an ninh để đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

## **7. Ý nghĩa của luận văn**

Trong phạm vi của mình, đề tài là một công trình nghiên cứu vừa có ý nghĩa về mặt lý luận, vừa có ý nghĩa về mặt thực tiễn đối với cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm rối an ninh ở Việt Nam.

- Về mặt lý luận: Đây là công trình nghiên cứu chuyên khảo đồng bộ đầu tiên nghiên cứu một cách tương đối có hệ thống và toàn diện những vấn đề lý luận và thực tiễn về tội phạm rối an ninh ở cấp độ một luận văn thạc sĩ luật học. Luận văn cung cấp các luận cứ khoa học nhằm góp phần hoàn thiện quy định tại Điều 89 Bộ luật hình sự năm 1999, đồng thời nó có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học pháp lý hình sự.

- Về mặt thực tiễn: từ những khó khăn, vướng mắc mà thực tiễn áp dụng pháp luật đang gặp phải, những đề xuất giải pháp nêu trong luận văn sẽ góp phần nâng cao hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và tội phạm rối an ninh nói riêng. Đồng thời cũng đưa ra các kiến nghị hoàn thiện các quy định pháp luật hình sự về tội phạm rối an ninh ở khía cạnh lập pháp, cũng như việc áp dụng chúng trong thực tiễn. Ngoài ra, đề tài có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các lực lượng tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm này ở Việt Nam.

Ngoài ra, luận văn còn có ý nghĩa làm tài liệu tham khảo cho các nhà khoa học, luật gia, cán bộ thực tiễn và các sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh chuyên ngành tư pháp hình sự. Nó còn là tài liệu tham khảo cho công tác lập pháp và hoạt

động thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự trong việc đấu tranh phòng và chống tội phạm, cũng như công tác giáo dục, cải tạo người phạm tội ở nước ta hiện nay.

## **8. Bộ cục của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1. Một số vấn đề chung về tội phá rối an ninh trong luật hình sự Việt Nam.

Chương 2. Tội phá rối an ninh trong Bộ luật hình sự năm 1999 và thực tiễn áp dụng.

Chương 3. Hoàn thiện pháp luật và giải pháp nâng cao hiệu quả việc áp dụng những quy định Bộ luật hình sự năm 1999 về tội phá rối an ninh.

### *Chương 1*

## **MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỘI PHÁ RỐI AN NINH TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

### **1.1. Khái niệm tội phá rối an ninh và ý nghĩa của việc quy định tội phạm này trong luật hình sự Việt Nam**

#### *1.1.1. Khái niệm tội phá rối an ninh*

##### *a. Khái niệm các tội xâm phạm an ninh quốc gia*

Tội phá rối an ninh thuộc nhóm các tội xâm phạm an ninh quốc gia, được quy định trong Chương XI, chương đầu tiên Phần các tội phạm của Bộ luật Hình sự năm 1999. Các tội phạm này xâm phạm sự ổn định, phát triển bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước CHXHCN Việt Nam; sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Đây là những quan hệ xã hội có tầm quan trọng đặc biệt, bảo đảm sự tồn tại và phát triển của các quan hệ xã hội khác. Với đặc điểm đó, việc điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự về các tội xâm phạm an ninh quốc gia gặp nhiều khó khăn; những người tiến hành tố tụng phải đối mặt với rất nhiều áp lực [7, tr. 220].

Trên cơ sở khái niệm về tội xâm phạm an ninh hiện nay, có thể đưa ra khái niệm các tội xâm phạm ANQG như sau: Các tội xâm phạm ANQG là những hành vi đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm sự ổn định, phát triển bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

##### *b. Khái niệm tội phá rối an ninh*

Mặc dù BLHS năm 1999 không ghi nhận định nghĩa pháp lý của tội phá rối an ninh, nhưng khái niệm này có thể được hiểu là bất kỳ hành vi nào (được liệt kê tại điều luật đã nêu) xâm phạm hoặc đe dọa xâm phạm đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, hoạt động bình thường của cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội nhằm chống chính quyền nhân dân (nhưng chưa đến mức bạo loạn) theo quan điểm của nhà làm luật [9, tr.79]

Nói cách khác, phá rối an ninh là hành vi kích động, lôi kéo, tụ tập nhiều người



phá rối an ninh, chống người thi hành công vụ, cản trở hoạt động của cơ quan nhà nước hay tổ chức xã hội, nhằm chống chính quyền nhân dân.

### ***1.1.2. Ý nghĩa của việc ghi nhận tội phá rối an ninh trong luật hình sự Việt Nam***

Việc ghi nhận tội phá rối an ninh trong luật hình sự Việt Nam, cụ thể là BLHS năm 1985 và BLHS năm 1999 có ý nghĩa:

- Xử lý (bao gồm: bắt giam, điều tra, truy tố, xét xử...) đúng người, đúng tội đối với các hành vi xâm phạm an ninh quốc gia;
- Tránh trường hợp bỏ lọt tội phạm đối với những đối tượng thực hiện các hành vi cấu thành tội phạm nhưng chưa được quy định trong pháp luật hình sự.

## **1.2. Pháp luật Việt Nam về PCMT**

### ***1.2.1. Giai đoạn từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985***

Lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam về các tội xâm phạm an ninh quốc gia từ năm 1945 đến trước khi pháp điển hóa hình sự năm 1985, chia thành các giai đoạn sau:

#### ***a. Giai đoạn năm 1945 đến 1960***

Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, lần đầu tiên trong lịch sử, nhân dân ta thực sự trở thành chủ nhân của đất nước và làm chủ vận mệnh của mình.

Ngay trong tháng 9 năm 1945, lực lượng Liêm phóng đã kịp thời tham mưu cho Đảng, Nhà nước ban hành Sắc lệnh số 08 ngày 05/9/1945 về giải tán những đảng phái phản động. Sắc lệnh nêu rõ: “Xét theo các cuộc điều tra của Ty Liêm phóng Bắc Bộ, Đại Việt quốc gia xã hội đảng đã tư thông với ngoại quốc để mưu những việc có hại cho sự độc lập của quốc gia và nền kinh tế Việt Nam, nên giải tán Đại Việt quốc gia xã hội đảng và Đại Việt quốc dân đảng. Nếu hai đảng ấy còn tiếp tục hoạt động thì những người can phạm sẽ bị đem ra Tòa án chiếu luật nghiêm trị”. Ngày 12/9/1945, Chủ tịch Chính phủ ra Sắc lệnh số 30 giải tán Việt Nam hưng quốc thanh niên và Việt Nam ái quốc thanh niên. Sắc lệnh số 08 và Sắc lệnh số 30 là cơ sở pháp lý đầu tiên cho phép trấn áp các đối tượng và các đảng phái phản động.

Sắc lệnh số 06 ngày 05/9/1945 được ban hành cấm nhân dân Việt Nam không được đăng lính, bán thực phẩm, dẫn đường, liên lạc làm tay sai cho quân đội Pháp đã quy định kẻ nào trái lệnh sẽ bị Tòa án quân sự nghiêm trị. Liên sau đó, Sắc lệnh số 31 được ban hành ngày 13/9/1945 đã quy định buộc phải khai trình các cuộc biểu tình trước 24 giờ với Ủy ban nhân dân để tránh những sự bất trắc có thể ảnh hưởng đáng tiếc đến việc nội trị hay ngoại giao, chống lại việc bọn phản động Việt Nam quốc dân đảng dùng tiền thuê lưu manh tạo ra các cuộc biểu tình chống Chính phủ.

Trên cơ sở rút kinh nghiệm hoạt động của các Tòa án quân sự từ tháng 9/1945, Chủ tịch Chính phủ đã ra Sắc lệnh số 21 quy định: “Tòa án quân sự xét xử tất cả những người nào phạm một việc gì sau hay trước ngày 19/8/1945 có phương hại đến nền độc lập của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa”. Điều 8 của Sắc lệnh này đã quy định cụ thể: “Tòa án quân sự có thể tuyên án: 1- Tha bổng; 2- Tịch thu một phần hay tất cả tài sản; 3- Phạt tù từ 1 năm đến 10 năm; 4- Phạt khổ sai từ 5 năm đến 20 năm; 5- Xử tử. Tòa án có thể vừa tuyên phạt giam hay phạt tử hình, vừa xử tịch thu một phần hay tất cả tài sản của tội nhân...”.

Sắc lệnh số 21 này cho thấy: nhằm bảo vệ các thành quả cách mạng, Nhà nước đã cho phép vận dụng nguyên tắc hồi tố để trừng phạt những tên tay sai đắc lực nhất của thực dân Pháp, phát xít Nhật đã có những hành vi phá hoại nghiêm trọng sự nghiệp đấu tranh giành tự do và độc lập của dân tộc ta.

Ngày 09/10/1945, Sắc lệnh số 45 về cấm xuất khẩu thóc gạo được ban hành; Điều 1 của Sắc lệnh quy định: “Từ ngày ký Sắc lệnh này cho đến khi có lệnh mới, khắp toàn cõi Việt Nam, cấm hẳn việc xuất cảng ra ngoài quốc thóc, gạo, ngô, đỗ hoặc các chế phẩm thuộc về ngũ cốc”.

Tiếp sau đó, ngày 25/02/1946, Nhà nước ban hành tiếp Sắc lệnh số 26 về trừng trị tội phá hoại công sản, Điều 1 quy định: “Sẽ bị phạt từ 2 năm đến 10 năm tù và có thể bị xử tử những người phạm trong những tội sau đây, bất cứ chính phạm hay tòng phạm: 1. Cố ý phá hoại một phần hay toàn thể các cầu cống, kênh hay sông đào, vận hà, nông giang thuộc công ích, đờng xe lửa và những kiến trúc thuộc về xe lửa, cùng các đờng giao thông công hay đờng bộ hay đờng thủy, đê đập, các công sở kho tàng hoặc các nhà máy điện, máy nước; 2. Cố ý hủy hoại hoặc ăn trộm các dây điện thoại hay điện tín cùng các cột dây điện và dây thép; 3. Đặt ở các nơi nói trên cơ giới, khí cụ dùng để giết người hay tác liệt”.

#### *b. Giai đoạn 1960 - 1975*

Trong thời kỳ này, ngoài việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hình sự quy định việc trừng trị các tội xâm phạm ANQG, Ủy ban thường vụ Quốc hội còn ban hành Nghị quyết số 49 ngày 20/5/1961 về việc tập trung, giáo dục những phần tử phản cách mạng ngoan cố có hành động phương hại đến an ninh chung, nhưng xét không cần đưa ra Tòa án nhân dân để xử phạt.

Vào thời điểm quyết liệt của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Lệnh công bố ngày 30/10/1967.

Sự ra đời của Pháp lệnh này là một sự kiện pháp lý quan trọng trong đời sống pháp luật nước ta. Nó là công cụ sắc bén để tăng cường chuyên chính đối với kẻ thù của nhân dân ta. Nội dung Pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng là sự phát triển có kế thừa và hoàn thiện một bước quan trọng các quy định về cấu thành tội phạm của các tội xâm phạm an ninh quốc gia và hình phạt đối với các tội đó. Pháp lệnh đã quy định 15 loại tội phản cách mạng. Việc các tội phạm đó đều có tiêu đề về tội danh và được mô tả rõ ràng, chặt chẽ cho thấy đây là một bước tiến lớn về mặt kỹ thuật lập pháp. Các cấu thành tội phạm cơ bản, cấu thành tội phạm tăng nặng, cấu thành tội phạm giảm nhẹ được quy định cụ thể đối với một số tội tùy thuộc vào mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội đã thực hiện. Ngoài ra, Pháp lệnh này còn có quy định mang tính nguyên tắc chung của chính sách hình sự mở ra một giai đoạn phát triển mới của pháp luật hình sự Việt Nam.

Các tội trong Pháp lệnh được sắp xếp dựa vào tính chất và mức độ nghiêm trọng cho xã hội của hành vi và có thể được chia thành hai nhóm: Nhóm tội trực tiếp xâm phạm an ninh đối nội, đối ngoại của Nhà nước; Nhóm tội làm suy yếu chính quyền, chế độ, kinh tế, văn hóa, xã hội. Pháp lệnh còn quy định một tội liên quan đến phản cách mạng, đó là tội che dấu phần tử phản cách mạng.

Về hình phạt, đây là nhóm tội phạm đặc biệt nghiêm trọng nên Pháp lệnh quy

định hình phạt rất nghiêm khắc. Trong 14 tội có 12 tội quy định hình phạt cao nhất là tử hình. Ngoài hình phạt phụ quản chế đã có trong các văn bản quy phạm pháp luật hình sự trước kia, Pháp lệnh quy định thêm hai hình phạt phụ mới là cư trú bắt buộc hoặc cấm cư trú. Pháp lệnh cũng quy định rõ những trường hợp giảm nhẹ hình phạt hoặc miễn hình phạt tại Điều 20.

Ở miền Nam, vì hoàn cảnh chiến tranh ác liệt, nên các văn bản quy phạm pháp luật nói chung, các văn bản quy phạm pháp luật hình sự nói riêng của chính quyền cách mạng được ban hành không nhiều. Đáng chú ý, Nghị định số 02/NĐ/75 do Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ban hành ngày 15/3/1975 tạo cơ sở pháp lý để trừng trị bọn nguy quân, nguy quyền lấn chiếm vùng giải phòng, bảo vệ các vùng kiểm soát của chính quyền cách mạng. Tiếp theo đó, chính quyền cách mạng ban hành tiếp chính sách 7 điểm ngày 25/3/1975 đối với binh lính, sĩ quan và nhân viên nguy quyền. Đây là văn bản pháp lý phục vụ việc cải tạo nguy quân, nguy quyền sau này.

### *c. Giai đoạn 1975 - 1985*

Nhằm bảo vệ chính quyền cách mạng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở nửa đất nước mới được giải phóng, ngày 15/3/1976, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã ban hành Sắc luật số 03/SL/76 quy định các tội phạm và hình phạt để trấn áp bọn phản cách mạng.

Ngày 25/4/1976, nhân dân ta tiến hành tổng tuyển cử bầu đại biểu Quốc hội chung của các nước. Từ cuối tháng 6 năm 1976, Quốc hội họp kỳ đầu, đây là kỳ họp hoàn thành thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước. Nghị quyết ngày 02/7/1976 của Quốc hội quyết định đổi tên nước ta là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Từ đó đến khi ban hành BLHS năm 1985, cơ sở pháp lý đấu tranh phòng, chống các tội phản cách mạng chủ yếu dựa trên Pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng ngày 30/10/1967.

### ***1.2.2. Tội phá rối an ninh trong pháp luật hình sự Việt Nam từ khi ban hành Bộ luật hình sự 1985 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự 1999***

Năm 1985, BLHS được ban hành thay thế các văn bản pháp luật hình sự đơn hành trước đó. Việc ban hành BLHS năm 1985 đánh dấu bước tiến bộ lớn trong hoạt động lập pháp hình sự của Nhà nước ta, thể hiện sự phát triển liên tục, có kế thừa kinh nghiệm quý báu của nhiều năm phát triển luật hình sự Việt Nam.

Trong BLHS năm 1985, Chương I – Các tội xâm phạm an ninh quốc gia được chia thành hai nhóm: các tội đặc biệt nguy hiểm xâm phạm an ninh quốc gia được quy định tại Mục A và các tội xâm phạm an ninh quốc gia được quy định tại Mục B. Các tội đặc biệt nguy hiểm xâm phạm an ninh quốc gia gồm 14 tội được quy định từ Điều 72 đến Điều 85. Các tội xâm phạm ANQG vì không có mục đích chống chính quyền nhân dân nên không thuộc phạm vi nghiên cứu của đề tài.

Điều 83 BLHS năm 1985 quy định tội phá rối an ninh thể hiện ở hành vi tụ tập, lôi kéo, kích động nhiều người phá rối an ninh chung, chống người thi hành công vụ, cản trở hoạt động của các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội với mục đích chống chính quyền nhân dân.

Giống như tội bạo loạn (Điều 76), tội phá rối an ninh cũng được thực hiện dưới hình thức đông phạm, công khai đối mặt với chính quyền, song khác với tội bạo loạn,

tội phá rối an ninh không mang tính chất bạo lực vũ trang.

Nghiên cứu BLHS năm 1985 về các tội xâm phạm an ninh quốc gia cho thấy:

Thứ nhất, đây là BLHS đầu tiên của nước ta ra đời trên cơ sở tổng kết thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, các tội xâm phạm đặc biệt nguy hiểm xâm phạm an ninh quốc gia nói riêng.

Thứ hai, để phù hợp với tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, dấu hiệu mục đích “phản cách mạng” được thay bằng mục đích “chống chính quyền nhân dân” và trên cơ sở mục đích này để phân biệt nhóm các tội đặc biệt nguy hiểm xâm phạm ANQG với nhóm các tội xâm phạm ANQG khác.

Thứ ba, lần đầu tiên trong lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam, nguyên tắc quốc tế vô sản đã được ghi nhận trong các nhóm tội đặc biệt nguy hiểm xâm phạm ANQG.

Thứ tư, tội che giấu phần tử phản cách mạng đã được đưa vào tội che giấu tội phạm nói chung cho phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới.

Trải qua 15 năm thi hành với bốn lần sửa đổi, bổ sung, BLHS năm 1985 với vị trí rất quan trọng trong hệ thống pháp luật nước ta, đã thực sự là một trong những công cụ sắc bén của Nhà nước để bảo vệ thành quả của cách mạng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, góp phần thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, trước yêu cầu của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, BLHS năm 1985 đã bộc lộ một số mặt hạn chế, chưa đáp ứng được đầy đủ yêu cầu của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới. Mặt khác, do đã qua bốn lần sửa đổi, bổ sung nên BLHS năm 1985 không còn là một tổng thể những quy định thống nhất, đồng bộ và có nhiều điểm bất hợp lý. Chính vì vậy, việc sửa đổi, bổ sung bộ luật này một cách toàn diện nhằm kịp thời thể chế hóa chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ra trong giai đoạn cách mạng mới, bảo đảm nâng cao hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, tạo điều kiện thuận lợi cho việc nhận thức và áp dụng bộ luật một cách thống nhất là yêu cầu bức xúc được đặt ra. BLHS năm 1999 được ban hành, thay thế cho BLHS năm 1985.

Về Tội phá rối an ninh (Điều 89), BLHS năm 1999 chỉ sửa đổi về kỹ thuật, cụ thể là: sửa cụm từ “cơ quan nhà nước hoặc tổ chức xã hội” thành “cơ quan, tổ chức” và bổ sung đoạn “nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 82 của Bộ luật này (Tội bạo loạn)” để xác định rõ hơn giới hạn của tội này.

### **1.3. Tìm hiểu quy định về tội phá rối an ninh trong pháp luật hình sự một số nước trên thế giới**

#### **1.3.1. BLHS Liên xô (cũ)**

Trách nhiệm hình sự đối với các tội quốc sự đặc biệt nguy hiểm đã được quy định trong luật về trách nhiệm hình sự đối với các tội quốc sự do Xô viết tối cao Liên Xô (cũ) thông qua ngày 25/12/1958. Trong BLHS năm 1960 của nước CHXHCN Xô viết, các tội quốc sự đặc biệt nguy hiểm gồm 10 tội được quy định từ Điều 64 đến Điều 73. Đó là các tội phản bội Tổ quốc (Điều 64), tội gián điệp (Điều 65), tội khủng bố (Điều 66), tội khủng bố chống lại đại diện nước ngoài (Điều 67), tội phá hoại (Điều 68), tội phá hoại ngầm (Điều 69), tội tuyên truyền và cổ động chống Liên Xô (Điều 70), tội tuyên truyền chiến tranh (Điều 71), tội hoạt động nhằm thành lập tổ chức nhằm thực hiện các tội quốc sự đặc biệt nguy hiểm (Điều 72), các tội quốc sự đặc biệt nguy hiểm chống Nhà nước của nhân dân lao động khác (Điều 73). Công dân Liên Xô cầu

kết với nước ngoài thì dù thực hiện bất cứ hành vi nào xâm hại đến Tổ quốc, đều được xem là tội phản bội Tổ quốc. Tính chất nguy hiểm của nó được biểu hiện ở chỗ, chính các hành vi phản bội Tổ quốc đã hỗ trợ trực tiếp cho các mưu đồ xâm lược của các nước đế quốc trong hoạt động phá hoại chống Liên Xô, cho nên tội phản bội Tổ quốc được coi là tội phạm nghiêm trọng nhất. Theo quan điểm này, chủ thể của tội gián điệp chỉ có thể là người nước ngoài, không có quốc tịch. Nếu công dân Liên Xô hoạt động gián điệp thì định tội danh là phản bội Tổ quốc ở hình thức gián điệp.

Sau khi Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu bị sụp đổ, ngày 24/5/1996, Đuma quốc gia Liên bang Nga đã thông qua BLHS mới. Trong đó, các giá trị pháp lý cơ bản của luật hình sự Liên Xô cũ vẫn tiếp tục được kế thừa, nhưng các tội quốc sự đặc biệt nguy hiểm được thay thế bởi tên gọi các tội phạm chống cơ sở chế độ Hiến pháp và ANQG. ANQG cùng với an ninh cá nhân và an ninh xã hội được quan niệm là các bộ phận cấu thành của an ninh nói chung. Khách thể loại của những tội phạm này là cơ sở chế độ Hiến pháp của Liên bang Nga, được quy định ở Chương I Hiến pháp Liên bang Nga.

### ***1.3.2 BLHS Cộng hòa nhân dân Trung Hoa***

BLHS năm 1979 của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa quy định các tội phản cách mạng trong Chương I Phần các tội phạm. Điều 90 của Bộ luật này quy định: “Những hành vi nhằm lật đổ chính quyền chuyên chính vô sản và chế độ XHCN, làm hại nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa đều tội phản cách mạng” [1, tr.31]. Các tội phản cách mạng được quy định từ Điều 91 đến Điều 102 nhưng không quy định tội danh. Tuy nhiên, nghiên cứu cấu thành tội phạm được quy định trong từng điều luật cho thấy, dấu hiệu pháp lý được nêu ra cũng tương tự với một số tội danh trong BLHS nước ta. Ví dụ: Điều 91 của BLHS nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa quy định: “Hành vi cấu kết với nước ngoài, âm mưu gây nguy hại cho chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an toàn của Tổ quốc thì bị phạt tù chung thân hoặc tù từ mười năm trở lên” [1, tr. 31]. Có thể nói tổng hợp các dấu hiệu pháp lý quy định trong điều này tương tự như tội phản bội Tổ quốc trong BLHS 1985 cũng như BLHS 1999 của nước ta.

Trong BLHS năm 1997 của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, nhóm các tội phản cách mạng đã được thay thế bởi tên gọi mới là các tội xâm phạm ANQG và được quy định ở Chương I từ Điều 102 đến Điều 113.

### ***1.3.3 BLHS của Nhật Bản.***

BLHS của Nhật Bản năm 1907 quy định các tội xâm phạm ANQG thành ba nhóm tội: các tội liên quan đến nội loạn (Chương II), các tội liên quan đến ngoại xâm (Chương III), các tội liên quan đến quan hệ đối ngoại (Chương IV). Các tội liên quan đến nội loạn thể hiện ở bốn điều Điều 77 (nội loạn), Điều 78 (chuẩn bị và bày mưu tính kế nội loạn), Điều 79 (giúp sức cho việc nội loạn), Điều 80 (tự thú). Đáng chú ý là tội nội loạn được định nghĩa: “Người nào gây nội loạn nhằm lật đổ chính quyền, xâm phạm toàn vẹn lãnh thổ quốc gia hoặc có các hành vi khác phá vỡ thiết chế quốc gia thì phạm tội nội loạn” [3. tr.24]. Điều 80 BLHS Nhật Bản quy định về tự thú như sau: “Người nào thực hiện một trong các tội phạm quy định tại Điều 78 (chuẩn bị và bày mưu tính kế nội loạn) và Điều 79 (giúp sức cho việc nội loạn) nhưng tự thú với cơ quan có thẩm quyền hữu quan trước khi xảy ra nội loạn thì được miễn hình phạt” [3, tr.25]. Các tội liên quan đến ngoại xâm bao gồm các tội: xúi giục ngoại xâm (Điều 81),

giúp sức cho kẻ thù (Điều 82), phạm tội chưa đạt (Điều 87), chuẩn bị và bày mưu tính kế (Điều 88). Điểm khác biệt rõ nhất của luật hình sự Nhật Bản so với các luật hình sự các nước tư bản khác là chuẩn bị phạm tội trong một số trường hợp cũng phải chịu trách nhiệm hình sự. Đó là quy định ở Điều 88: “Người nào chuẩn bị hoặc bày mưu tính kế thực hiện một trong các tội phạm nói tại Điều 81 và 82 thì bị phạt tù có lao động bắt buộc hoặc từ 01 năm đến 10 năm” [3, tr.26]. Chương IV: Các tội liên quan đến quan hệ đối ngoại bao gồm các tội: làm hư hỏng hoặc tiêu hủy quốc kỳ của nước ngoài (Điều 92), chuẩn bị và bày mưu tính kế gây chiến tranh (Điều 93), vi phạm các quy định về trung lập (Điều 94). Về trách nhiệm hình sự đối với các tội đặc biệt nguy hiểm xâm phạm ANQG, luật hình sự của Nhật Bản quy định khung hình phạt có hình phạt tử hình ở ba tội: nổi loạn, xúi giục ngoại xâm, giúp sức cho kẻ thù.

#### **1.3.4 BLHS Thụy Điển**

BLHS Thụy Điển quy định các tội xâm phạm ANQG trong Chương 22 – Tội phản bội Tổ quốc, Chương 18 – Các tội chống nhà vua, Chương 19 – Các tội xâm phạm an ninh của Vương quốc. Tội phản bội Tổ quốc được quy định ở Điều 1 Chương 22.

Luật hình sự của Thụy Điển quy định cả trường hợp ít nghiêm trọng, lỗi vô ý và trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự đối với tội phản bội Tổ quốc. Điều 2 Chương 22 BLHS Thụy Điển: “Nếu các hành vi phạm tội nói tại Điều 1 không có khả năng gây nguy hại đáng kể cho nền quốc phòng của Vương quốc hoặc không giúp đỡ kẻ thù một cách đặc lực thì người phạm tội bị phạt tù đến sáu năm về tội phản bội Tổ quốc trong trường hợp ít nghiêm trọng” [2, tr.78]. Về trường hợp lỗi vô ý của tội phản bội Tổ quốc, Điều 3 Chương 22 Bộ luật quy định: “Người nào phạm các tội nói tại Điều 1 và Điều 2 do vô ý thì bị phạt tù đến bốn năm về tội vô ý gây nguy hại cho Vương quốc” [2, tr. 79].

Chủ thể của tội gián điệp có thể là công dân Thụy Điển, người nước ngoài, người không có quốc tịch. Điều 4 Chương 19 Bộ luật quy định: “Nếu một công dân của Thụy Điển không được phép của Chính phủ hoặc người của Chính phủ ủy nhiệm mà tự để mình bị sử dụng như một gián điệp của nước ngoài trong các vấn đề ngoại giao liên quan đến Thụy Điển, cũng như người nào tự xưng là người được ủy quyền về các vấn đề nói trên với người đại diện nước ngoài thì bị phạt tù đến hai năm” [2, tr.65].

## **Chương 2**

### **TỘI PHÁ RỐI AN NINH TRONG LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG**

#### **2.1. Những dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội phá rối an ninh trong Bộ luật hình sự năm 1999**

##### **2.1.1. Khách thể của tội phạm**

Tội phá rối an ninh là những hành vi kích động, lôi kéo tụ tập nhiều người phá rối an ninh, chống người thi hành công vụ, cản trở hoạt động của cơ quan Nhà nước hay tổ chức xã hội nhằm chống chính quyền nhân dân. Vì vậy, khách thể của tội phạm này là an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, hoạt động bình thường của cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội.

### **2.1.2. Mặt khách quan của tội phạm**

Mặt khách quan của tội phạm quy định tại Điều 89 thể hiện ở một trong những hành vi sau:

- Kích động, lôi kéo tập hợp nhiều người phá rối an ninh, chống người thi hành công vụ, cản trở hoạt động của cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội là loại hình vi của những tên chủ mưu, cầm đầu, xúi giục. Bọn tội phạm thường lợi dụng những thiếu sót của cán bộ ta trong việc thi hành chính sách, pháp luật, lợi dụng tôn giáo, sự lạc hậu của quần chúng để kích động, tập hợp nhiều người phá rối an ninh, chống người thi hành công vụ, làm cho hoạt động của cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội không thể tiến hành bình thường, gây khó khăn cho chính quyền địa phương trong việc giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Ví dụ, tập hợp nhiều người mít tinh, biểu tình (không có vũ trang) hoặc đưa đơn kiến nghị, yêu sách chính quyền giải quyết vấn đề gì đó hoặc đấu tranh không cho mua lương thực, thu thuế, không cho xây dựng công trình, ...

- Chống người thi hành công vụ là hành vi bằng các thủ đoạn như: bắt giữ, dùng vũ lực tấn công người thi hành công vụ, đe dọa, cưỡng bức họ làm trái pháp luật... Người thi hành công vụ là người có chức vụ, quyền hạn tiếp xúc với nhân dân để giải quyết các công việc có liên quan đến chức trách của mình như Công an, Thuế vụ, Hải quan, Bộ đội...

- Cản trở hoạt động của cơ quan Nhà nước hoặc tổ chức xã hội là hành vi gây khó khăn cho cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

- Tham gia phá rối an ninh là hành vi của người biết rõ việc tụ tập với những người khác nhằm phá rối an ninh, cản trở nhân viên Nhà nước, Bộ đội, Công an thi hành nhiệm vụ, gây khó khăn cho hoạt động bình thường của cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội nhưng họ vẫn tham gia. Khác với tội bạo loạn, hành vi phá rối an ninh tuy có nhiều người tham gia nhưng không dùng sức mạnh có tính chất vũ trang hoặc bạo lực có tổ chức công khai tấn công trụ sở chính quyền, lực lượng vũ trang nhân dân, làm suy yếu chính quyền nhân dân mà chỉ gây mất an ninh địa phương, gây khó khăn, cản trở cho người thi hành công vụ.

Tội phạm được coi là hoàn thành kể từ thời điểm người phạm tội thực hiện một trong các hành vi nêu trên.

### **2.1.3. Chủ thể của tội phạm**

Chủ thể của tội phạm này không phải là chủ thể đặc biệt, chỉ cần người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự và đến một độ tuổi theo quy định của Bộ luật hình sự thì đều có thể trở thành chủ thể của tội phạm này.

Người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm này thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 của điều luật; người đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm này không phân biệt thuộc trường hợp quy định tại khoản nào của điều luật.

### **2.1.4. Mặt chủ quan của tội phạm**

Tội phá rối an ninh được thực hiện do lỗi cố ý và mục đích nhằm chống chính quyền nhân dân: gây rối an ninh chính trị, gây khó khăn cho việc thi hành công vụ của

nhân viên Nhà nước, tổ chức xã hội, cản trở hoạt động bình thường của cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội. Đây là căn cứ để phân biệt tội phạm này với việc làm của những người do lạc hậu, bất mãn mà gây rối trật tự công cộng, gây khó khăn cho hoạt động của cơ quan Nhà nước nhưng không có mục đích chống chính quyền nhân dân. Những hành vi đó sẽ cấu thành những tội phạm khác (gây rối trật tự công cộng – Điều 245 hoặc tội chống người thi hành công vụ - Điều 257).

## **2.2. Hình phạt đối với tội phá rối an ninh trong Bộ luật hình sự 1999**

Điều 89 BLHS quy định hai khung hình phạt đối với tội phá rối an ninh:

- Khung 1: quy định hình phạt tù từ 05 năm đến 15 năm áp dụng đối với người kích động, lôi kéo, tụ tập nhiều người phá rối an ninh, chống người thi hành công vụ, cản trở hoạt động bình thường của cơ quan Nhà nước.

- Khung 2: quy định hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm áp dụng đối với người đồng phạm khác

## **2.3. Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về tội phá rối an ninh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

### **2.3.1. Tổng quan tình hình tội phạm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

#### **a) Đặc điểm tội phạm phá rối an ninh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

Đắk Lắk là một tỉnh nằm ở trung tâm vùng Tây Nguyên, được tái lập vào ngày 26 tháng 11 năm 2003, trên cơ sở tách tỉnh Đắk Lắk thành hai tỉnh mới là Đắk Lắk và Đắk Nông (Nghị quyết số 22/2003/QH.11). Đắk Lắk nằm cách Hà Nội 1.410 km và cách Thành phố Hồ Chí Minh 350 km, Phía Đông giáp Phú Yên và Khánh Hòa, phía Nam giáp Lâm Đồng và Đắk Nông, phía Tây giáp Campuchia với đường biên giới dài 193 km, tỉnh Gia Lai nằm ở phía Bắc (Nguồn: Công thông tin điện tử tỉnh Đắk Lắk).

Đắk Lắk có diện tích 13.125,37 km<sup>2</sup>, dân số toàn tỉnh tính đến năm 2013 đạt 1.827.800 người, mật độ dân số đạt hơn 139 người/km<sup>2</sup>. Trong đó, dân số sống tại thành thị đạt 432.500 người, dân số sống tại nông thôn đạt 1.364.200 người. Cộng đồng dân cư Đắk Lắk gồm 47 dân tộc. Trong đó, người Kinh chiếm trên 70%; các dân tộc thiểu số như Ê Đê, M'Nông, Thái, Tày, Nùng... chiếm gần 30% dân số toàn tỉnh.

Đắk Lắk có 15 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 01 thành phố, 01 thị xã và 13 huyện. Trong đó có 184 đơn vị hành chính cấp xã, gồm có 152 xã, 20 phường và 12 thị trấn.

Toàn tỉnh Đắk Lắk có 13 Tôn giáo khác nhau chiếm 450.728 người. Trong đó, nhiều nhất là Công Giáo với 171.661 người, thứ hai là đạo Tin Lành với 149.526 người, thứ ba là Phật Giáo với 125.698, thứ tư là đạo Cao Đài có 3.572 người, cùng với các tôn giáo khác như Phật giáo Hòa Hảo có 162 người, Hồi giáo có 65 người, Bửu sơn kỳ hương có 23 người, Tịnh độ cư sĩ Phật hội Việt Nam có 3 người, Baha'i có 2 người, ít nhất là Minh Sư Đạo, Minh Lý Đạo và đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa mỗi đạo có 1 người.

#### **b) Tình hình tội phạm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

Đắk Lắk là một trong 18 địa bàn trọng điểm về tội phạm hình sự của cả nước. Ở đây luôn tiềm ẩn nhiều yếu tố đặc thù phức tạp về an ninh trật tự xã hội. Trong năm 2014, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đã xảy ra 1320 vụ phạm pháp hình sự và tệ nạn cờ bạc, mại dâm. Hậu quả từ các vụ án giết người, giết cướp tài sản và một số vụ trọng án khác



đã làm chết 49 người, bị thương 494 người, gây tổng thiệt hại tài sản 16,2 tỉ đồng.

Đáng lo ngại nhất là án giết người xảy ra 47 vụ, tăng 10 vụ so với năm 2013. Và đã xuất hiện một số nhóm trộm, cướp tài sản liên huyện, liên tỉnh. Về địa bàn, xảy ra nhiều vụ án hình sự là ở: TP.Buôn Ma Thuột hơn 310 vụ, huyện Ea H'leo 150 vụ, Cư M'gar hơn 110 vụ và huyện Ea Kar hơn 100 vụ...

Năm 2014, đối với án hình sự, TAND hai cấp tỉnh Đắk Lắk giải quyết 2.100 vụ với 4.097 bị cáo, đạt tỷ lệ 98,9%. So với năm 2013, số án giải quyết và số bị cáo đều tăng.

### **2.3.2. Áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về tội phá rối an ninh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

#### **a) Vụ án phá rối an ninh năm 2001**

Theo tài liệu của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk :

Ngày 26/9/2001, tại Thành phố Buôn Ma Thuột, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã mở phiên tòa công khai xét xử vụ án "phá rối an ninh" xảy ra tại Thành phố Buôn Ma Thuột và một số địa bàn khác thuộc tỉnh Đắk Lắk vào đầu tháng 2 năm 2001.

Từ đầu năm 2000 được sự tiếp tay của các thế lực thù địch, bọn phản động Fulro lưu vong tại Mỹ mà đứng đầu là các tên Ksor Kok, Y Mut Mlô, đã móc nối, cấu kết với Y Nuen Byă, Y Rin Kpă, Y Nok Molô Y Phên Ksor, Nay D'ruc, Y Tum Mlô và Y B'hiết Nie Kdăm ở tỉnh Đắk Lắk để hình thành tổ chức phản động, mưu toan lập ra cái gọi là "nhà nước Đê ga độc lập" ở Tây Nguyên. Về tôn giáo, chúng chủ trương, lập "tin lành Đêga" để tách ra khỏi Hội thánh Tin lành Miền Nam.

Trong các ngày 02 và 03 tháng 02 năm 2001 bọn chúng đã tổ chức, chỉ đạo, xúi dục, lừa phỉnh và lôi kéo hàng ngàn người ở các huyện Ea Súp, Ea H'leo, Buôn Đôn, Krông Năng, Krông Buk kéo về trung tâm Thành phố Buôn Ma Thuột để biểu tình, gây áp lực với chính quyền. Chúng đưa ra yêu sách đòi thành lập "Nhà nước Đê ga độc lập".

Ngày 05 và 06 tháng 02 năm 2001, bọn chúng tiếp tục kéo về Huyện Ea H'leo biểu tình, đập phá trụ sở chính quyền và tài sản nhà nước, chống người thi hành công vụ, gây mất ổn định an ninh chính trị trong nhiều ngày.

Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tuyên phạt các bị cáo, với mức án đối với từng bị cáo như sau:

- Y Nuên Byă mười một năm tù về tội phá rối an ninh.
- Y Rin Kpă mười năm tù về tội phá rối an ninh.
- Y Nok Mlô tám năm tù về tội phá rối an ninh.
- Nay D'ruc bảy năm tù về tội phá rối an ninh.
- Y Phên Ksor bảy năm tù về tội phá rối an ninh.
- Y B'hiết Nie Kdăm sáu năm tù về tội phá rối an ninh.
- Y Tum Mlô tám năm bốn tháng tù về tội phá rối an ninh và tội tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Y Rin Kpă, Y Nok Mlô, Y Tum Mlô, quyết định xử lý tang vật.

Ngày 12 tháng 3 năm 2002, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm vụ án hình sự mà Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã xử sơ thẩm tại án số 321/HSST ngày 26 tháng 9 năm 2001 do các bị cáo có đơn kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt. Tòa Phúc thẩm đã bác kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên mức án mà Tòa án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo.

*b) Vụ án phá rối an ninh năm 2004*

Theo tài liệu của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Ngày 31 tháng 01 năm 2005, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã mở phiên sơ thẩm, xét xử 6 đối tượng phạm tội phá rối an ninh, gây chia rẽ đoàn kết dân tộc. Cả 6 bị cáo đều tham gia hoạt động trong tổ chức phản động, chống phá Nhà nước dưới sự chỉ đạo của một số tên Fulro lưu vong tại Mỹ.

Xét hành vi phạm tội nghiêm trọng của 6 bị cáo là: phá rối an ninh, gây chia rẽ đoàn kết dân tộc, chống phá cuộc sống yên lành của đồng bào các dân tộc ở Tây Nguyên, Hội đồng xét xử đã tuyên phạt: Y Kur BĐáp – mười bảy năm tù; Y Ang Knul – mười một năm tù; Y Ruih Êban – mười năm tù; Y Yoan Hmok - chín năm tù; Y Mun Niê H'rah – bảy năm tù; Ksor Senát – bảy năm tù. Các đối tượng này còn bị hình phạt bổ sung là: bị quản chế tại địa phương trong năm năm, sau ngày mãn hạn tù.

Trên cơ sở hai vụ án phá rối an ninh nêu trên và tình hình thực tiễn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk có thể đưa ra một vài đánh giá về thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về tội phá rối an ninh như sau:

Thứ nhất, Đắk Lắk là một trong những địa bàn trọng điểm của cả nước về tình hình tội phạm phá rối an ninh, nhiều đối tượng cầm đầu trong tổ chức Fulro đã bị bắt và xử lý nhưng cũng còn nhiều đối tượng chưa bị bắt, đang lẩn trốn và vẫn không ngừng hoạt động. Chúng liên tục tuyên truyền, vận động, phát triển lực lượng rộng khắp trên nhiều địa bàn trong tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên nhân tình hình tội phạm phá rối an ninh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk chủ yếu xuất phát từ điều kiện xã hội của tỉnh, đặc biệt là toàn tỉnh có 47 dân tộc cùng người nước ngoài sinh sống và có 13 Tôn giáo khác nhau...

Thứ hai, mức án được tuyên cho các bị cáo trong các vụ án xâm phạm an ninh thể hiện tính chất nguy hiểm, đặc biệt nghiêm trọng của loại tội phạm này trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Các bị cáo trong vụ án đều bị tuyên các mức án chủ yếu dựa trên khoản 1 Điều 89 BLHS 1999 (với khung hình phạt cao nhất là mười lăm năm tù).

Thứ ba, thực tiễn các mức án được Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tuyên phạt các bị cáo thể hiện sự nghiêm khắc trừng trị đối với các đối tượng phạm tội nhưng vẫn thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta. Bên cạnh việc tuyên các bản án đúng người, đúng tội để trừng trị các đối tượng phạm tội, qua đó răn đe cho các đối tượng khác ngoài xã hội về hậu quả phải gánh chịu khi thực hiện hành vi phạm tội phá rối an ninh, các bản án còn thể hiện tính giáo dục đối với các chủ thể khác về tính chất nguy hiểm của tội phạm này.

***2.3.3 Những hạn chế, thiếu sót trong áp dụng pháp luật về tội phá rối an ninh là nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót này.***

Thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật về tội phá rối an ninh đặt ra một số

vấn đề liên quan đến việc xác định các dấu hiệu pháp lý của hành vi phạm tội. Việc xác định các yếu tố cấu thành tội phạm đối với tội phá rối an ninh vẫn căn cứ rất nhiều vào các hành vi thực tế, bản thân Điều 89 BLHS quy định các dấu hiệu rất chung chung, việc xác định các cấu thành tội phạm có thể dẫn đến nhiều cách giải thích khác nhau. Đặc biệt là các khái niệm như: phá rối, an ninh, chính quyền nhân dân, lôi kéo, kích động... Theo đó, quá trình xét xử đối với các hành vi phạm tội phá rối an ninh, Tòa án sẽ căn cứ vào các hành vi thực hiện nhiều hơn là việc giải thích các quy định của pháp luật và áp dụng chúng đối với thực tiễn thực hiện hành vi của bị cáo.

Bên cạnh đó, thực tiễn triển khai cũng cho thấy hạn chế khi áp dụng Điều 89 và Điều 82, chủ yếu lại phân biệt dựa vào dấu hiệu “hoạt động vũ trang hoặc dùng bạo lực”.

Thực tế, khi thực hiện các hành vi được quy định tại Điều 89 BLHS, các đối tượng có thể đã sử dụng hoạt động vũ trang hoặc dùng bạo lực, nhưng hành vi này lại biểu hiện yếu hơn hành vi kích động, lôi kéo, tụ tập... thì quá trình định tội danh có thể dẫn đến kết luận hành vi cấu thành tội phá rối an ninh, mà không phải là tội bạo loạn. Việc xác định hoạt động vũ trang hoặc dùng bạo lực cần phải được quy định định tính hơn, và có ranh giới rõ ràng, nó có ý nghĩa rất lớn trong việc định tội danh đối với người thực hiện hành vi phạm tội và các hình phạt được quy định ở 2 điều luật này cũng rất khác nhau.

### *Chương 3*

## **HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ VIỆC ÁP DỤNG NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI PHÁ RỐI AN NINH**

### **3.1. Dự báo tình hình tội phá rối an ninh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

Đắk Lắk là một trong 18 địa bàn trọng điểm về tội phạm hình sự của cả nước. Ở đây luôn tiềm ẩn nhiều yếu tố đặc thù phức tạp về an ninh trật tự xã hội. Theo dự báo, trong thời gian tới, tình hình hoạt động của các loại tội phạm, nhất là tội phạm hình sự vẫn tăng và diễn biến phức tạp tại một số địa bàn, lĩnh vực.

Đối với tội phá rối an ninh, như đã đánh giá tại Chương 2, với đặc thù về điều kiện tự nhiên, xã hội và diễn biến loại tội phạm này trong những năm qua tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk, dự báo trong thời gian tới, tội phạm phá rối an ninh vẫn có chiều hướng diễn biến phức tạp. Các thế lực chống phá, thù địch ở nước ngoài vẫn tìm mọi cách với nhiều thủ đoạn khác nhau để chỉ đạo các đối tượng đang cư trú tại địa bàn tăng cường kích động, lôi kéo quần chúng nhân dân tham gia vào âm mưu của chúng nhằm chống chính quyền nhân dân, phá rối an ninh. Với sự hậu thuẫn của bọn phản động ở nước ngoài, các đối tượng trong nước luôn củng cố âm mưu và có những động thái nhằm chuẩn bị các điều kiện để phá rối an ninh (và các hành vi khác nhằm xâm phạm an ninh quốc gia) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Đắk Lắk với đặc thù là tỉnh có nhiều dân tộc sinh sống, với nhiều tôn giáo khác nhau; trình độ văn hóa, nhận thức của nhân dân còn hạn chế; các thế lực thù địch, phản động luôn tìm mọi cách để thực hiện động cơ, mục đích chống chính quyền nhân dân; các đối tượng với sự hậu thuẫn từ bên ngoài địa bàn luôn tìm mọi cách để hiện thực hóa mục đích chống chính quyền nhân dân của chúng, được dự báo là địa bàn trọng

điểm về các tội xâm phạm an ninh quốc gia nói chung, tội phạm phá rối an ninh nói riêng.

Về đặc điểm người phạm tội: dự báo trong thời gian tới, đối tượng thực hiện hành vi phạm tội phá rối an ninh vẫn tập trung vào nhóm người có trình độ văn hóa thấp, đa số là các đối tượng chưa học hết bậc tiểu học, trung học cơ sở và là người dân tộc, theo Đạo tin lành. Đặc biệt, các đối tượng đang có tranh chấp đất đai, con em dân tộc bỏ học, chưa có việc làm là các đối tượng dễ dàng bị dụ dỗ, lôi kéo. Đây là nhóm đối tượng có nguy cơ cao, thường xuyên bị lôi kéo, dụ dỗ bởi các thế lực thù địch, phản động với âm mưu chống phá chính quyền nhân dân. Những

Về phương thức và thủ đoạn phạm tội: Thực tiễn các vụ phá rối an ninh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đều được thực hiện với các phương thức thủ đoạn giống nhau. Tức là các thế lực thù địch, phản động ở trong và ngoài nước với nguồn lực về tài chính và âm mưu lật đổ chính quyền nhân dân đã xúi giục, thuyết phục và lôi kéo một số đối tượng cầm đầu, trực tiếp truyền bá các tư tưởng để các đối tượng này thay chúng đi móc nối, lôi kéo, xúi giục đối với nhóm đối tượng có nguy cơ cao.

Theo đó, các tên cầm đầu sẽ ngày càng mở rộng các đối tượng đi theo chúng, tiếp tục hình thành nhóm lớn với số lượng lên đến hàng trăm người để âm mưu, lật đổ chính quyền nhân dân. Đặc biệt, chúng gắn bó rất chặt chẽ với các đối tượng chủ mưu từ trong và ngoài nước về thời gian, địa điểm, cách thức tổ chức các cuộc biểu tình, mít tinh, yêu sách để phản đối chính quyền nhân dân, yêu sách thành lập các tổ chức trái pháp luật... ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và hoạt động bình thường của các cơ quan nhà nước tại địa bàn.

Mặt khác, lợi dụng đặc điểm về điều kiện kinh tế - xã hội tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk, các thế lực phản động, thù địch dễ dàng thực hiện các hành vi lôi kéo, xúi giục, tuyên truyền theo nhiều phương thức khác nhau nên vẫn rất khó khăn trong việc phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi này xảy ra. Chính vì vậy, cấp ủy, chính quyền, nhân dân trên địa bàn tỉnh cần tiếp tục nâng cao tinh thần cảnh giác, bám sát các chỉ đạo, lãnh đạo, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, chủ động phòng, chống các tội phạm diễn ra trên địa bàn tỉnh để tiếp tục giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ, phát huy những thành quả của Đảng, Nhà nước và quần chúng nhân dân đã xây dựng được trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

### **3.2. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật về tội phá rối an ninh**

Hiệu quả của văn bản quy phạm pháp luật nói chung, hiệu quả áp dụng những quy định của pháp luật hình sự về tội phá rối an ninh nói riêng là kết quả của sự tác động của văn bản quy phạm pháp luật đến các quan hệ xã hội so với các yêu cầu, mục tiêu khi ban hành văn bản đó. Nếu như hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật thể hiện thuộc tính của các quy phạm pháp luật, thì hiệu quả của một văn bản quy phạm pháp luật lại là những gì mà văn bản đó có thể đem lại trong cuộc sống, là kết quả của sự tương tác giữa pháp luật và xã hội, bởi chức năng chính của pháp luật là điều chỉnh các quan hệ xã hội. Pháp luật hướng cho các chủ thể sống và làm việc một cách hợp tác với nhau, để cùng nhau đạt được những gì họ muốn, vì lợi ích của tất cả thành viên trong xã hội.

Hiệu quả của văn bản quy phạm pháp luật đề cập đến mối quan hệ giữa pháp luật và xã hội. Đây không đơn thuần là vấn đề pháp lý, mà bao trùm cả vấn đề xã hội có liên

quan. Pháp luật thuộc phạm trù lý thuyết và xã hội thuộc phạm trù thực tiễn. Pháp luật được hình thành từ nhu cầu thực tiễn, nhưng không phải lúc nào cũng phản ánh đúng thực tiễn. Giữa lý thuyết và thực tiễn luôn tồn tại khoảng cách. Khoảng cách này sẽ ngày càng rộng nếu pháp luật không xuất phát từ nhu cầu của xã hội, không phản ánh đúng các giá trị của cuộc sống. Pháp luật cần phải được đánh giá trong mối quan hệ với hành vi, xử sự của các chủ thể, cũng như trong sự chuyển động và phát triển của xã hội. Sự hình thành, phát triển của pháp luật phải được đánh giá trong một xã hội nhất định, xã hội này quyết định sự tồn tại trong không gian cũng như về thời gian của pháp luật. Do vậy, có thể nói, thực tế chính là thước đo kiểm nghiệm hiệu quả của pháp luật.

Trên cơ sở nền tảng lý luận này, yêu cầu hoàn thiện, nâng cao hiệu quả áp dụng những quy định của pháp luật hình sự về tội phạm rối an ninh là việc cần thiết và phải luôn được quan tâm, chú trọng.

Với những dự báo về tình hình tội phạm nói chung, tình hình tội phạm rối an ninh nói riêng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong thời gian tới, yêu cầu trên là thực sự cần thiết. Việc nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự về tội phạm rối an ninh sẽ mang đến những kết quả tích cực, thể hiện được tính răn đe, trừng trị đối với các tội phạm phá rối an ninh theo nguyên tắc xét xử đúng người, đúng tội. Thông qua đó, việc áp dụng pháp luật hình sự trong trường hợp này cũng hướng đến hiệu quả giáo dục đối với các chủ thể khác ngoài xã hội (quần chúng nhân dân trong khu dân cư và cả các đối tượng đang âm mưu, nuôi dưỡng ý định phạm tội) để hướng đến mục tiêu phòng ngừa đối với các tội phạm này. Cuối cùng, những hiệu quả từ việc áp dụng pháp luật hình sự về tội phạm rối an ninh hướng đến mục tiêu ngăn chặn và tiến tới đẩy lùi các tội phạm phá rối an ninh trong xã hội. Đây là mục tiêu hướng dẫn của yêu cầu phải hoàn thiện, nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật.

Để đảm bảo nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự nói chung, các quy định của pháp luật hình sự về tội phạm rối an ninh nói riêng, việc hoàn thiện các quy định, văn bản pháp luật là yêu cầu quan trọng hàng đầu. Hoàn thiện các quy định pháp luật xét cho cùng là để nâng cao hiệu quả áp dụng của các quy định pháp luật.

Chính vì vậy, việc hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về tội phạm rối an ninh nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng của các quy định này trong thực tiễn đời sống xã hội, nhằm đạt được mục tiêu của văn bản pháp luật hình sự trong thực tế.

Về mặt lý luận, việc hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về tội phạm rối an ninh nói chung, các văn bản quy phạm pháp luật hình sự nói chung cần xuất phát trước hết ở tính hợp lý của nó. Tính hợp lý chính là yếu tố tác động trực tiếp đến hiệu quả áp dụng của văn bản quy phạm pháp luật. Một văn bản quy phạm pháp luật hợp lý sẽ được người dân tuân thủ nghiêm túc và có hiệu lực lâu dài. Theo đó, văn bản pháp luật có tính hợp lý khi đáp ứng được các yêu cầu sau:

Thứ nhất, nó phải xuất phát từ lợi ích thiết thực của xã hội, mà cụ thể là của người dân. Văn bản quy phạm pháp luật được ban hành là nhằm để giải quyết các vấn đề mà xã hội đặt ra. Do đó, việc ban hành một văn bản quy phạm pháp luật cần phải phù hợp với tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, và lấy lợi ích của người dân, của xã hội, của nhà nước làm nền tảng. Một văn bản quy phạm pháp luật không hợp lý có thể do nhiều nguyên nhân. Một trong những nguyên nhân thường gặp là do kỹ thuật lập pháp còn yếu kém làm cho luật pháp không còn phù hợp với các quan hệ xã hội, với thực tiễn sinh động.

Hậu quả là các quy phạm pháp luật đó khó có thể thực hiện trong cuộc sống

Thứ hai, văn bản quy phạm pháp luật phải phù hợp với đối tượng, phải điều chỉnh đúng đối tượng. Nếu văn bản đó luật đó không điều chỉnh đúng đối tượng, sẽ không làm cho đối tượng đó tuân thủ luật một cách tự nguyện. Điều đó gây ảnh hưởng đến hiệu quả của văn bản quy phạm pháp luật. Chỉ khi đối tượng của nó chấp nhận và áp dụng nó trong thực tế, văn bản quy phạm pháp luật mới thực sự phát huy hiệu lực và có giá trị.

Việc hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội phá rối an ninh cần phải chú ý đến là tính hợp pháp, tính thống nhất, tính hợp lý của các quy định này trong hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hình sự; cần phải đảm bảo được khả năng tiếp cận của quần chúng nhân dân. Bên cạnh đó, các quy định này sẽ có hiệu lực cao khi được các cơ quan thực thi pháp luật thực hiện một cách nghiêm túc và triệt để việc áp dụng luật.

Hiện nay, việc sửa đổi, bổ sung BLHS 1999 cần bảo đảm các yêu cầu đặt ra, để nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng trong thực tiễn triển khai. Dự thảo BLHS sửa đổi đang được tiếp tục hoàn thiện để đáp ứng, phù hợp với tình hình, diễn biến tội phạm trong xã hội.

Đối với tội phá rối an ninh được quy định tại Điều 89 BLHS 1999, về mặt lý luận và qua quá trình áp dụng trong thực tiễn có thể nhận thấy một số vấn đề cần làm rõ như sau:

- Dấu hiệu pháp lý để xác định các cấu thành tội phạm còn tổng quát, chưa cụ thể. Để xác định cụ thể các yếu tố cấu thành tội phạm, chủ thể xác định phải liên hệ đến nhiều nội dung từ những quy định khác. Do đó, việc hiểu đầy đủ, chính xác các nội dung quy định về tội phá rối an ninh, cũng như các tội phạm có liên quan đối với các chủ thể khác nhau có thể sẽ phát sinh nhưng cách hiểu khác nhau.

Ví dụ như khi xác định khách thể của tội phạm phá rối an ninh: là nền an ninh, hoạt động thi hành công vụ hoặc hoạt động của cơ quan, tổ chức. Những khách thể này về chính sách lập pháp có thể hiểu là những khách thể cụ thể, ví dụ như cảnh sát đang làm nhiệm vụ trấn áp biểu tình, nếu có người ngăn cản thì quyền trấn áp biểu tình chính là khách thể đang bị xâm hại.

Tuy vậy khách thể được quy định tương đối cụ thể này thực ra lại không cụ thể, như an ninh là một từ rất rộng, gần như bất kỳ hiện tượng có khả năng gây mất trật tự đều có thể coi là xâm phạm đến an ninh. Nếu an ninh quốc gia thì đó là một phạm trù hẹp nhưng nếu an ninh nói chung thì có thể thấy mọi việc tụ tập đông người nào cũng có thể gây mất an ninh trật tự. Chưa kể đến cản trở hoạt động của cơ quan, tổ chức thì cũng phải xem xét đó là cơ quan, tổ chức công lập hay mọi cơ quan, tổ chức và mức độ ảnh hưởng như thế nào.

Bên cạnh đó, các dấu hiệu thuộc mặt khách quan của tội phạm là “kích động, lôi kéo, tụ tập nhiều người phá rối an ninh, chống người thi hành công vụ, cản trở hoạt động của cơ quan, tổ chức” để xác định thực tế cũng gặp rất nhiều khó khăn. Bản thân tên của Điều luật là “phá rối an ninh” nhưng lại chính là dấu hiệu thuộc mặt khách quan của tội phạm được nêu tại chính nội dung của điều luật, gần như không có nội dung diễn giải cụ thể hơn.

Do đó, yêu cầu sửa đổi Điều 89 BLHS 1999 là thực sự cần thiết để bảo đảm tính khả thi trong triển khai thực tế, trước hết là phải chính xác và rõ ràng để xác định các

dấu hiệu pháp lý, đặc biệt là các khái niệm “chính quyền nhân dân”, “phá rối”, “phá rối an ninh” có thể dẫn đến nhiều cách hiểu, xác định khác nhau. Việc sửa đổi này phải xuất phát trước từ tên của Điều luật, tức là xác định đúng bản chất của hành vi xảy ra trên thực tế và mong muốn xác lập quy định để điều chỉnh của nhà làm luật, của nhà nước. Khi đó, việc quy định nội dung của Điều luật cũng sẽ bảo đảm logic với tên Điều luật và “bám sát” hơn thực tế khi triển khai áp dụng.

Điều này cũng bảo đảm được tính đơn nghĩa, dễ hiểu của các quy định pháp luật nói chung, của Điều luật này nói riêng.

Bên cạnh đó, việc ban hành các văn bản dưới luật để hướng dẫn thi hành các Điều của BLHS nói chung, hướng dẫn Điều 89 nói riêng là điều thực sự cần thiết. Nhu cầu này thực sự cần thiết về cả lý luận và thực tiễn. Theo đó, các khái niệm, các dấu hiệu xác định hành vi phạm tội cần được quy định rõ ràng, cụ thể để dễ dàng xác định được hành vi phạm tội khi xảy ra trên thực tế.

Việc hướng dẫn, giải thích những quy định của Bộ luật hình sự nói chung, về các tội xâm phạm an ninh quốc gia nói riêng nhằm mục đích nhận thức, thực hiện đúng đắn, thống nhất các quy định; dần xóa bỏ khoảng cách giữa các quy định pháp luật thành văn và thực tiễn đời sống xã hội.

Hiện nay các quy định của về tội phá rối an ninh và các tội phạm khác có liên quan chỉ được thể hiện ở các điều luật của BLHS năm 1999. Chính vì vậy, việc hướng dẫn, giải thích những quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 về tội phá rối an ninh và các tội phạm khác có liên quan là việc cần thiết. Theo đó, cần bảo đảm lưu ý các nội dung về: i) quy định chủ thể có quyền hướng dẫn, giải thích pháp luật; ii) phù hợp với mục tiêu của các nhà làm luật và iii) phù hợp với thực tiễn đời sống xã hội (thực tiễn giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến những cách hiểu khác nhau đối với cùng một nội dung các quy định pháp luật).

### **3.3. Các giải pháp nâng cao hiệu quả việc áp dụng những quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội phá rối an ninh**

#### ***3.3.1. Các lực lượng chức năng cần tham mưu cho tổ chức Đảng, Chính quyền huy động quần chúng nhân dân chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện, đấu tranh có hiệu quả đối với các hành vi phá rối an ninh***

Trước tình hình thực tiễn của công tác đấu tranh phòng, chống các tội phạm nói chung, tội phá rối an ninh nói riêng, để nâng cao hiệu quả việc áp dụng các quy định của pháp luật hình sự, các cơ quan, tổ chức và cá nhân cần chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện, đấu tranh có hiệu quả đối với các hành vi phạm tội. Theo đó, cần thống nhất, quán triệt các quan điểm, nguyên tắc xử lý và cơ chế báo cáo như sau:

##### ***a. Quan điểm, nguyên tắc xử lý***

Phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh và xử lý các hành vi phá rối an ninh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn dân, dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của các cấp ủy Đảng; sự điều hành thống nhất của chính quyền các cấp; sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng, ban, ngành, Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, trong đó lực lượng Công an và Quân đội giữ vai trò tham mưu, nòng cốt.

Trách nhiệm chỉ đạo, chỉ huy xử lý các hành vi phá rối an ninh phải đảm bảo

nguyên tắc thường trực cấp ủy lãnh đạo giải quyết; tập trung đông người phá rối an ninh xảy ra ở địa phương nào thì cấp ủy, chính quyền địa phương đó có trách nhiệm giải quyết.

Sử dụng mọi lực lượng, phương tiện, biện pháp để xử lý kịp thời, hiệu quả ngay từ ban đầu, ngay từ cơ sở các vụ phá rối an ninh. Hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản; nhanh chóng khắc phục hậu quả, ổn định tình hình.

Xử lý tập trung đông người phá rối an ninh phải đảm bảo yêu cầu chính trị, đối ngoại, pháp luật và nghiệp vụ; không để các lực lượng thù địch và các phần tử xấu lợi dụng xuyên tạc, kích động hoặc gây sức ép về vấn đề dân chủ, nhân quyền, tạo cơ để can thiệp từ bên ngoài.

#### *b. Những vấn đề cần chú ý*

Xử lý các hành vi phá rối an ninh phải kiên quyết, khôn khéo, bình tĩnh, không trấn áp tràn lan. Kiên trì sử dụng các biện pháp vận động, thuyết phục là chính, kết hợp sử dụng các biện pháp nghiệp vụ, pháp luật, hành chính, vũ trang. Chỉ sử dụng biện pháp mạnh để giải tán đám đông khi cần thiết. Đồng thời, có biện pháp, đối sách cụ thể với từng nhóm đối tượng theo hướng:

- Đối với quần chúng bị kích động: không dùng vũ lực mà phải kiên trì vận động, giáo dục, thuyết phục; từng bước phân hóa, vô hiệu hóa hoạt động kích động, xúi giục của số đối tượng cầm đầu, ngoan cố, quá khích để lôi kéo quần chúng về phía chính quyền.

- Đối với số chủ mưu, cầm đầu, cốt cán: tiến hành giáo dục thuyết phục, kết hợp răn đe. Kiên quyết trấn áp, bắt khi cần thiết nhưng phải phân hóa, tách đối tượng ra khỏi quần chúng nhân dân, đồng thời tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân; thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để phục vụ yêu cầu xử lý đối tượng trước pháp luật khi cần thiết.

- Đối với số chức sắc trong tôn giáo: phải vận động, tranh thủ những người tiến bộ để phân hóa, cô lập các đối tượng cực đoan, quá khích và giải quyết hợp lý những vấn đề có liên quan đến tôn giáo.

- Đối với phần tử cơ hội trong nội bộ, tri thức, học sinh – sinh viên: việc xử lý phải căn cứ vào pháp luật, phải có đầy đủ tài liệu chứng cứ và tùy theo mức độ vi phạm mà có biện pháp giáo dục, thuyết phục, đấu tranh xử lý thích hợp.

- Đối với người có quá trình hoạt động cách mạng, từng giữ chức vụ trong cấp ủy Đảng, chính quyền, lực lượng vũ trang nay có tư tưởng, quan điểm lệch lạc thì phải vận động, đấu tranh cá biệt, khi cần thiết thì vạch trần bản chất, ý đồ xấu của họ để quần chúng nhân dân đồng tình, ủng hộ việc làm của chính quyền.

- Đối với người nước ngoài, phóng viên báo chí quốc tế và những người không có trách nhiệm: phải ngăn chặn không để họ đến địa điểm xảy ra vụ việc để lấy tin, ghi hình hay hậu thuẫn, kích động.

#### *c. Cơ chế thông tin, báo cáo*

Khi phát hiện dấu hiệu phá rối an ninh, các cơ quan, đơn vị phải trao đổi ngay với cơ quan Công an cùng cấp. Cơ quan Công an khi nhận được tin phải báo cáo ngay cho Công an cấp trên, cấp ủy, UBND cùng cấp để chỉ đạo, giải quyết, xử lý; đồng thời, phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng triển khai các biện pháp công tác phòng ngừa, ngăn chặn.



Quá trình tham gia xử lý phá rối an ninh, các cơ quan, đơn vị phải thường xuyên báo cáo tình hình và kết quả cho UBND cùng cấp để chỉ đạo, xử lý, đồng thời trao đổi với cơ quan Công an cùng cấp để tham mưu xử lý. Cấp ủy, UBND, Công an và các cơ quan, đơn vị cấp dưới phải thường xuyên báo cáo cấp trên để chỉ đạo.

### ***3.3.2. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tội phá rối an ninh và các âm mưu, phương thức thủ đoạn phá rối an ninh***

Trong những năm gần đây, Đảng và Nhà nước ta đã rất chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội để đưa các quy định của pháp luật đi vào cuộc sống xã hội, giáo dục ý thức pháp luật xã hội chủ nghĩa cho nhân dân nhằm nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước bằng xã hội trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật luôn có vị trí và vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN hiện nay, là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự điều phối, tổ chức thực hiện của các cơ quan nhà nước và các tổ chức, đoàn thể; là khâu then chốt, quan trọng để chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước thực sự đi vào cuộc sống xã hội, đi vào ý thức, hành động của từng chủ thể trong xã hội.

Việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tội phá rối an ninh và các âm mưu, phương thức thủ đoạn phá rối an ninh đóng vai trò quan trọng trong nâng cao hiệu quả của áp dụng các quy định pháp luật hình sự về tội phá rối an ninh. Hiệu quả của công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật sẽ góp phần nâng cao nhận thức, củng cố bản lĩnh, lập trường của các tầng lớp quần chúng nhân dân về hậu quả của hành vi phá rối an ninh, về những thủ đoạn, mục đích xấu xa, đi trái quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước của những phần tử phản động.

### ***3.3.3. Nâng cao trình độ nghiệp vụ, bản lĩnh chính trị và đạo đức cách mạng của cán bộ tư pháp***

Với nhiệm vụ đặc thù trong công tác phòng, chống các hành vi xâm phạm an ninh quốc gia, các cán bộ thực hiện công tác phải có những tiêu chuẩn đạo đức nhất định. Những tiêu chuẩn đó là những khuôn mẫu, nguyên tắc trong xử sự của người cán bộ trong cơ quan, đơn vị cũng như khi tiếp xúc với những người khác để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

Cần xây dựng và rèn luyện sao cho người cán bộ phải là người cán bộ mang đạo đức cách mạng. Theo chủ tịch Hồ Chí Minh, đạo đức cách mạng không phải là một phạm trù chung chung mà là những tiêu chuẩn rất cụ thể cho cán bộ công chức nói chung và từng ngành nghề nói riêng.

Để thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh và xử lý các hành vi phá rối an ninh, các cán bộ phải lấy các quy định pháp luật làm căn cứ để hoạt động. Hơn ai hết, các cán bộ phải là những người nắm vững kiến thức pháp luật, đặc biệt là các quy định trực tiếp điều chỉnh quan hệ hình sự trong trường hợp này và có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Do vậy, các cán bộ phải thường xuyên học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng công tác.

Bên cạnh đó, việc phải thường xuyên tiếp xúc với những đối tượng kích động,

xúi giục, thậm chí là manh động, liêu lĩnh, người cán bộ thực hiện công tác đấu tranh và xử lý các hành vi phá rối an ninh phải luôn giữ vững bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng. Việc này trước hết là để giữ vững lập trường cho cho bản thân, đồng thời phân hóa các đối tượng, tránh bị lôi kéo, kích động, mua chuộc kịp thời giáo dục, có biện pháp để xử lý những đối tượng cầm đầu, chủ mưu, công kích để giải quyết các tình huống.

Chính vì vậy, những cán bộ thực hiện công tác đấu tranh và xử lý các hành vi phá rối an ninh nói riêng, các tội phạm về an ninh quốc gia nói chung phải luôn rèn luyện bản lĩnh, đạo đức cách mạng, nâng cao trình độ nghiệp vụ trong lĩnh vực công tác để hoàn thành các nhiệm vụ được giao phó, góp phần giữ vững an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

## KẾT LUẬN

Đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm an ninh quốc gia là một bộ phận không thể tách rời trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, nhằm bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Việt Nam, tạo ra môi trường ổn định về chính trị để nhân dân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng, tiến hành thắng lợi công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng một nước Việt Nam vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Là một trong những địa bàn trọng điểm về tội phạm, đặc biệt là các tội xâm phạm an ninh quốc gia, tỉnh Đắk Lắk luôn coi trọng công tác đấu tranh phòng, chống và xử lý các hành vi xâm phạm an ninh quốc gia (đặc biệt là các bản án đã được tuyên vào năm 2001, 2005 đối với các đối tượng phá rối an ninh trên địa bàn tỉnh). Đây là nhiệm vụ, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn dân, dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của các cấp ủy Đảng; sự điều hành thống nhất của chính quyền các cấp; sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng, ban, ngành, Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội.

Đặc biệt, trong bối cảnh các thế lực phản động, thù địch luôn lợi dụng vào chính sách tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng và Nhà nước, lợi dụng vào địa bàn nhân dân có trình độ văn hóa thấp, nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, nhiều tôn giáo như tỉnh Đắk Lắk để thực hiện các hành vi nhằm chống chính quyền nhân dân, âm mưu lật đổ chính quyền nhân dân thì công tác đấu tranh phòng, chống và xử lý các hành vi xâm phạm an ninh quốc gia tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk phải luôn bảo đảm hiệu quả.

Theo đó, hiệu quả áp dụng các quy định pháp luật hình sự là công cụ, thước đo để đánh giá vai trò của các quy định pháp luật nói chung, Bộ luật Hình sự nói riêng trong công cuộc đấu tranh, phòng chống tội phạm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, cũng như trong phạm vi toàn quốc.

Bảo đảm tiếp tục nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định pháp luật hình sự trong thực tiễn đặt ra yêu cầu đối với cả công tác xây dựng pháp luật và áp dụng pháp luật.

Hi vọng rằng, dự thảo BLHS sửa đổi sẽ tiếp tục phát huy được hiệu quả mà BLHS 1999 hiện hành đã được ghi nhận và khắc phục được những tồn tại, hạn chế trong thực tế triển khai điều chỉnh đối với các hành vi phạm tội nói chung, đối với tội phá rối an ninh nói riêng.